

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH SÓC T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/DS-ST
Ngày 22-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH S**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Ngọc Cận.

Ông Huỳnh Phước.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng là thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên Tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm Sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 03 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B**; Địa chỉ: Số 109 phố T, phường C, Quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Doãn S** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Thanh H** – Chức vụ: Chuyên viên khách hàng thuộc Phòng khách hàng của Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh S; địa chỉ: 113, H, phường S, thành phố S, tỉnh S. (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Ngô Thanh Duy T**; Địa chỉ: Số 86, đường L, phường B, thành phố S, tỉnh S. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/01/2019 và đơn xin thay đổi nội dung đơn khởi kiện ngày 22/10/2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP B trình bày:

Ngày 26/8/2016 ông Ngô Thanh Duy T có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh S hợp đồng tín dụng số 1024/2016/HĐTD/CNSocTrang để vay số tiền 300.000.000 đồng, thỏa thuận như sau: Thời hạn vay là 60 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là 26/8/2021; Mục đích vay là tiêu dùng hợp pháp; Phương thức vay là từng lần; Kỳ hạn trả lãi là trả vào ngày 10 hàng tháng; Kỳ hạn trả nợ gốc: phân làm 60 kỳ; Lãi suất cho vay là 12,0%/năm, áp dụng cho 03 tháng đầu; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Hình thức cho vay tiêu dùng không có tài sản bảo đảm.

Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ngô Thanh Duy T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tính đến ngày 22/10/2019 tổng cộng vốn và lãi là 162.926.085đ. Trong đó số nợ gốc là 142.999.987đ; Lãi tính từ ngày 20/02/2019 đến ngày 22/10/2019 (lãi trong hạn là 18.192.099đ; lãi quá hạn 1.733.999đ) và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả từ ngày 23/10/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng.

Đối với bị đơn ông Ngô Thanh Duy T, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ cho ông T nhưng ông T không có văn bản trả lời cho Tòa án. Sau đó, Tòa án có gửi Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án hai (02) lần nhưng ông T vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Ngô Thanh Duy T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tính đến ngày 22/10/2019 tổng cộng vốn và lãi là 162.926.085đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh Hồ có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn ông Ngô Thanh Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu ông Ngô Thanh Duy T trả số tiền tính đến ngày 22/10/2019 tổng cộng vốn và lãi là 162.926.085đ. Trong đó số nợ gốc là 142.999.987đ; Lãi tính từ ngày 20/02/2019 đến ngày 22/10/2019 (lãi trong hạn là 18.192.099đ; lãi quá hạn 1.733.999đ) và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả từ ngày 23/10/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp dân sự, quan hệ pháp luật để giải quyết là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Theo Hợp đồng tín dụng số 1024/2016/HĐTD/CNS để vay số tiền 300.000.000 đồng, thỏa thuận như sau: Thời hạn vay là 60 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là 26/8/2021; Mục đích vay là tiêu dùng hợp pháp; Phương thức vay là từng lần; Kỳ hạn trả lãi là trả vào ngày 10 hàng tháng; Kỳ hạn trả nợ gốc: phân làm 60 kỳ; Lãi suất cho vay là 12,0%/năm, áp dụng cho 03 tháng đầu; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Hình thức cho vay tiêu dùng không có tài sản bảo đảm. Phía Ngân hàng TMCP B cung cấp được cho Tòa án Hợp đồng tín dụng số 1024/2016/HĐTD/CNSocTrang ngày 26/8/2016 có chữ ký và chữ viết của ông Ngô Thanh Duy T; Giấy đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số 1024/2016/HĐTD/CNSocTrang có chữ ký, chữ viết của ông Ngô Thanh Duy T. Đồng thời, sau khi ký kết hợp đồng, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP B được số tiền gốc và lãi đến 19/02/2019 là 219.316.516đ (trong đó số nợ gốc là 157.000.013đ; Lãi trong hạn 62.316.503đ).

Như vậy, có căn cứ xác định trên thực tế giữa Ngân hàng TMCP B với ông Ngô Thanh Duy T có giao kết hợp đồng tín dụng để vay số tiền là 300.000.000 đồng, các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó Hợp đồng trên có giá trị pháp lý và bu ộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi vay ông T đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng cam kết. Tính đến ngày 22/10/2019 ông T chỉ trả cho

Ngân hàng TMCP B được số tiền gốc và lãi là 219.316.516đ (trong đó số nợ gốc là 157.000.013đ; Lãi trong hạn 62.316.503đ).

Theo đơn khởi kiện ngày 11/01/2019 nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả là 1.707.307đ nhưng đến ngày 22/10/2019 nguyên đơn đơn xin thay đổi đơn khởi kiện là không yêu cầu bị đơn trả phần lãi trên. Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu ông Ngô Thanh Duy T trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay còn lại tính đến hết ngày 22/10/2019 tổng cộng vốn và lãi là 162.926.085đ. Trong đó số nợ gốc là 142.999.987đ; Lãi tính từ ngày 20/02/2019 đến ngày 22/10/2019 (lãi trong hạn là 18.192.099đ; lãi quá hạn 1.733.999đ) và tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất **1.0%/tháng** cho đến khi thanh toán xong số tiền vốn vay. Xét thấy, ông T và Ngân hàng TMCP B thỏa thuận tiền gốc được chia làm 60 kỳ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 5.000.000đ, cố định vào ngày 10 hàng tháng cùng với tiền lãi. Kỳ cuối trả 5.000.000đ vào ngày hợp đồng tín dụng hết hạn nhưng trong quá trình thực hiện Hợp đồng ông T trả gốc được 157.000.013đ, trả lãi trong hạn đến ngày 19/02/2019 được 62.316.503đ thì ngưng trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận nên đã vi phạm tại Điều 7, Điều 10 của Hợp đồng tín dụng 1024/2016/HĐTD/CN S mà hai bên đã ký kết ngày 26/8/2016. Vì vậy, Ngân hàng TMCP B yêu cầu ông T trả số tiền vốn vay và lãi vay tính đến ngày 22/10/2019 là 162.926.085đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP B được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Ông Ngô Thanh Duy T phải chịu án phí số tiền 8.231.670đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 63, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 40, Điều 117, Điều 118, Điều 119 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 5, Điều 6 Nghị định số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Ngô Thanh Duy T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày 22/10/2019 tổng cộng vốn và lãi là 162.926.085đ. Trong đó số nợ gốc là 142.999.987đ; Lãi tính từ ngày 20/02/2019

đến ngày 22/10/2019 (lãi trong hạn là 18.192.099đ; lãi quá hạn 1.733.999đ).

Kể từ ngày 23/10/2019 ông Ngô Thanh Duy T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn 1.0%/tháng của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thoả thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Ngô Thanh Duy T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP B cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP B.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Thanh Duy T phải chịu án phí số tiền 8.146.304đ.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 4.506.900đ theo biên lai thu số 0004986 ngày 06/03/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố S.

3. Ngân hàng TMCP B và ông Ngô Thanh Duy T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND - TS
- VKSND - TPS;
- Thi hành án DS - TPS;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Định